

Số: /GPMT-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 854/TTr-SNNMT ngày 06/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ Yonglian Việt Nam, địa chỉ tại lô CN-1.2, Cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy công nghệ Yonglian Việt Nam” tại lô CN-1.2, Cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy công nghệ Yonglian Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-1.2, Cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400995096 do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/7/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/5/2026.

Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 19341/26 ngày 10/3/2026 do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6522131150, do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/7/2024, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 15/5/2026.

1.4. Mã số thuế: 2400995096

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự. Chi tiết: sản xuất đinh vít;

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: phun sơn, mạ niken, mạ kẽm, mạ anode, tẩy rửa, mạ thụ động, mạ ED, gia công CNC, dập kim loại);

- Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển. Chi tiết: sản xuất thiết bị là miếng dán tản nhiệt, cao tản nhiệt để kiểm soát nhiệt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Diện tích: 5.420m².

1.6.2. Nhóm dự án:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II (*theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và STT1, Mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025*).

1.6.3. Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

* Công suất:

- + Sản xuất đinh vít: 120 tấn/năm;

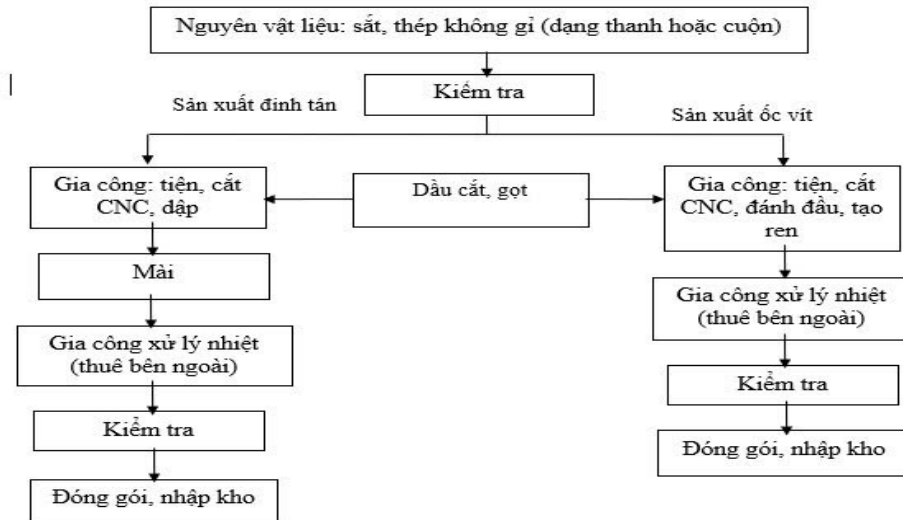
- + Sản xuất miếng dán tản nhiệt: 200 tấn/năm tương đương 200.000.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất cao tần nhiệt: 30 tấn/năm tương đương 30.000 lọ/năm;

+ Xử lý tráng phủ kim loại, cụ thể: phun sơn 200 tấn/năm; mạ niken 320 tấn/năm; mạ kẽm 3.800 tấn/năm; mạ anode 1.872 tấn/năm; tẩy rửa 1.400 tấn/năm; mạ thụ động 1.400 tấn/năm; mạ ED 1.000 tấn/năm; gia công CNC 600 tấn/năm; dập 1.000 tấn/năm.

* Quy trình công nghệ sản xuất của dây chuyền sản xuất:

- Quy trình sản xuất đinh vít:



- Quy trình sản xuất cao tần nhiệt:

Nguyên liệu (dầu silicon, bột tản nhiệt, phụ gia) → Trộn liệu → Hút chân không → Kiểm tra → Đóng hộp, nhập kho.

- Quy trình sản xuất miếng dán tản nhiệt:

Dầu silicon, bột tản nhiệt (bột nhôm), phụ gia (chất ức chế, chất xúc tác bạch kim) → Trộn liệu → Hút chân không → Cán và sấy thành hình (120⁰) → Cắt → Bôi keo silicon/dán màng PE → Cắt bavia → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

- Quy trình phun sơn: Nguyên liệu: Phôi kim loại → Tẩy rửa bề mặt trước khi sơn → Kiểm tra → Phun sơn lần 1 → Sấy khô lần 1 → Mài → Phun sơn lần 2 → Sấy khô lần 2 → Kiểm tra → In lụa/khắc laser → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

- Quy trình tẩy rửa bề mặt: Nguyên liệu: Phôi kim loại → Tẩy nhựa thông → Rửa nước 4 lần → Tẩy dầu → Rửa nước 4 lần → Tẩy gỉ → Rửa nước 4 lần → Đánh bóng → rửa nước 4 lần → Hoạt hoá → Rửa nước 3 lần → Phủ lớp bảo vệ → Rửa nước 4 lần → Rửa nước tinh khiết 6 lần → Sấy khô → Đóng gói, nhập kho.

- Quy trình mạ kẽm: Nguyên liệu: Phôi kim loại → tẩy dầu siêu âm → rửa nước 2 lần → tẩy gỉ → rửa nước 2 lần → tẩy gỉ điện phân → rửa nước 2 lần →

hoạt hoá → rửa nước 1 lần → mạ kẽm → rửa nước 2 lần → trung hoà → rửa nước 2 lần → thụ động → rửa nước 2 lần → sấy khô → đóng gói, nhập kho.

+ Quy trình mạ niken: Nguyên liệu: Phôi kim loại → tẩy dầu siêu âm → rửa nước 3 lần → rửa kiềm → rửa nước 3 lần → hoạt hoá → rửa nước 3 lần → nhúng axit lần 1 → rửa nước 3 lần → mạ lót kẽm lần 1 → rửa nước 3 lần → nhúng axit lần 2 → rửa nước 3 lần → mạ lót kẽm lần 2 → rửa nước 3 lần → mạ niken lần 1 → rửa nước 1 lần → mạ niken lần 2 → rửa nước 3 lần → trung hoà → rửa nước 3 lần → phủ lớp bảo vệ → rửa nước nóng 3 lần → tách nước → rửa nước 3 lần → rửa nước tinh khiết 3 lần → sấy khô → đóng gói, nhập kho.

- Quy trình mạ anode hóa: Nguyên liệu: Phôi kim loại → tẩy dầu siêu âm → rửa nước 1 lần → rửa kiềm → rửa nước 2 lần → trung hoà → rửa nước 2 lần → anode hoá → rửa nước 3 lần → trung hoà → nhuộm màu → rửa nước 3 lần → phủ lỗ → rửa nước 3 lần → sấy khô → đóng gói, nhập kho.

- Quy trình mạ thụ động: Nguyên liệu: Phôi kim loại → rửa nước 2 lần → rửa siêu âm → rửa nước 2 lần → tẩy gỉ → rửa nước 2 lần → trung hoà → rửa nước 2 lần → tẩy dầu điện phân → rửa nước 2 lần → tẩy gỉ → rửa nước 2 lần → trung hoà → rửa nước 2 lần → rửa siêu âm → đánh bóng → rửa nước 3 lần → hoạt hoá → rửa nước 2 lần → thụ động hoá → rửa nước tinh khiết 3 lần → sấy khô → đóng gói, nhập kho.

- Quy trình mạ điện di (ED): Nguyên liệu: Phôi kim loại → rửa nước nóng → tẩy dầu, tạp chất → rửa nước 2 lần → trung hoà → rửa nước 1 lần → điều chỉnh bề mặt → nhúng crom → rửa nước nóng 2 lần → rửa nước tinh khiết 3 lần → điện di → phun nước UF → rửa nước nóng 1 lần → rửa nước tinh khiết 2 lần → thổi nước → sấy khô → đóng gói, nhập kho.

- Quy trình gia công CNC: Nguyên liệu thô (sắt, nhôm, đồng, thép không gỉ) → Vẽ bản vẽ → lập trình CNC → gia công CNC → xử lý bề mặt → kiểm tra → đóng gói, nhập kho.

- Quy trình dập: Nguyên liệu thô (sắt, nhôm, đồng, thép không gỉ) → cắt vật liệu → lắp đặt khuôn → dập vật liệu → tạo hình → xử lý bề mặt → kiểm tra → đóng gói, nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công ty TNHH Công nghệ Yonglian Việt Nam có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Hoàng Văn và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy công nghệ Yonglian Việt Nam” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1021/QĐ-SNNMT ngày 28/5/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy công nghệ Yonglian Việt Nam”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương; UBND xã Hoàng Vân; Công ty TNHH Công nghệ Yonglian Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày / 7 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, do:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm; nước thải sản xuất (bao gồm: Nước thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất; nước thải phát sinh từ các hệ thống xử lý khí thải) được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165 m³/ngày đêm. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của CCN Thanh Vân được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân (do Công ty TNHH Long Dũng xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án tại cụm công số 87/TTĐN/LD-YONGLIAN ngày 04/10/2024 của Công ty TNHH Long Dũng); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 21 m³, nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách mỡ dung tích 06 m³. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống ống thoát nước ngoài nhà bao gồm ống HDPE D140 có chiều dài 34m, ống HDPE D160 có chiều dài 135m độ dốc 0,3% dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 15 m³/ngày đêm của dự án.

* Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất tại khu nhà xưởng, tùy vào tính chất dòng thải được thu gom riêng về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165 m³/ngày đêm, cụ thể:

- Nước thải sơn: được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 150m.

- Nước thải dây chuyền mạ anode: được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 61m.

- Nước thải dây chuyền mạ niken: được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 76m.
- Nước thải dây chuyền mạ kẽm: được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 76m.
- Nước thải dây chuyền mạ thụ động: được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 23m.
- Nước thải dây chuyền tẩy rửa, ED: được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 110m.
- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải : được thu gom vào đường ống uPVC D90, dài khoảng 160m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí - Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của cụm công nghiệp được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thanh Vân.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen; mật rỉ đường hoặc đường trắng.

b) Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165 m³/ngày đêm.

* Xử lý sơ bộ nước thải:

- Xử lý sơ bộ nước thải sơn:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ

Nước thải sơn → Bể điều hòa nước thải sơn → Thiết bị tuyển nổi cơ khí → Bể điều hoà nước thải toàn diện;

- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAM/PAC.

- Xử lý sơ bộ nước thải anode hóa:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải anode hóa → bể điều hòa nước thải anode hóa → bể trung hoà nước thải anode hóa → bể keo tụ nước thải anode hóa → bể tạo bông nước thải anode hóa → bể lắng nước thải anode hóa → bể trung gian nước thải anode hóa → bể điều hòa nước thải toàn diện;

- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Na₂S, PAM/PAC.

- Xử lý sơ bộ nước thải niken:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải niken → bể điều hòa nước thải niken → bể trung hoà nước thải niken → bể oxy hoá nước thải niken → bể keo tụ nước thải niken → bể tạo

bông nước thải niken → bể lắng Lamen nước thải niken → bể trung gian nước thải niken → cột trao đổi Ion → bể điều hòa nước thải toàn diện;

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit sulfuric (H_2SO_4), sắt sunfat, hydro peroxit, NaOH, PAM/PAC.

- Xử lý sơ bộ nước thải thụ động:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải thụ động → bể điều hòa nước thải thụ động → bể trung hoà nước thải thụ động → bể keo tụ nước thải thụ động → bể tạo bông nước thải thụ động → bể lắng Lamen nước thải thụ động → bể trung gian nước thải thụ động → bể điều hòa nước thải toàn diện;

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit sulfuric (H_2SO_4), Natri sunfua, PAM/PAC.

- Nước thải mạ kẽm → bể điều hoà nước thải toàn diện;

- Nước thải điện di → bể điều hoà nước thải toàn diện;

- Nước thải tẩy rửa → bể điều hoà nước thải toàn diện;

* Xử lý nước thải toàn diện

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất (gồm: Nước thải sơn, nước thải anode hóa, nước thải niken, nước thải thụ động) sau khi đã xử lý sơ bộ, nước thải tẩy rửa, nước thải mạ kẽm, nước thải điện di → Bể điều hòa nước thải toàn diện → bể trung hoà nước thải toàn diện → bể oxy hoá nước thải toàn diện → bể keo tụ nước thải toàn diện → bể tạo bông nước thải toàn diện → bể lắng Lamen nước thải toàn diện

* Xử lý nước thải tổng hợp

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải từ bể lắng Lamen nước thải toàn diện và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → bể điều hòa nước thải tổng hợp → bể sinh học kỵ khí → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí A → bể sinh học hiếu khí B → Bể lắng sinh học → Bể lọc màng MBR → bể trung gian → bể chứa nước sau xử lý.

- Công suất thiết kế: 165 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH; axit sunfuric; Natri sunfua; Sắt sunfua; PAM/PAC (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo nước thải sau xử lý không phát sinh thêm chất ô nhiễm và đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế:

+ Vận hành và giám sát thường xuyên để đánh giá hiệu quả vận hành, tình trạng của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống luôn vận hành tốt, nước thải đạt tiêu chuẩn đầu ra, ghi nhật ký vận hành.

+ Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý và đảm bảo việc vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của đơn vị thiết kế, thi công và chuyển giao công nghệ vận hành, việc vận hành được thực hiện hằng ngày và được ghi trong bảng nhật ký vận hành.

+ Tuân thủ định mức hóa chất, không sử dụng các chất trong danh mục cấm.

+ Người vận hành hệ thống xử lý nước thải được đào tạo kiến thức về cách vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị, xử lý các tình huống sự cố.

- Việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc trong hệ thống xử lý nước thải được thực hiện định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Sự cố rò rỉ đường ống: Rà soát lại toàn bộ đường ống thu gom để phát hiện những đoạn bị hỏng gây ra rò rỉ, khắc phục sửa chữa các đoạn hỏng ngay trong ngày. Trong trường hợp cần thiết có thể dừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố.

- Khi phát hiện nước thải vượt quy chuẩn cần thông báo đến Công ty TNHH Long Dũng để phối hợp xử lý.

1.5. Vị trí đầu nối nước thải:

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của dự án sau khi xử lý qua 02 hệ thống xử lý nước thải (01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm; 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165 m³/ngày đêm) đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của cụm công nghiệp Thanh Vân được đầu nối chung qua đường ống uPVC D300, dài khoảng 13m độ dốc 0,5% vào 01 hố ga thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Thanh Vân nằm ngoài tường rào, ở phía Bắc của dự án. Tọa độ vị trí hố ga đầu nối nước thải: X=2368034; Y=393997 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm đối với các công trình xử lý nước thải (01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm; 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 165 m³/ngày

đêm) do nước thải sau xử lý của dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân *(theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/ NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025)*.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của CCN Thanh Vân và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân; không xả thải trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường hoặc hệ thống thoát nước mưa.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương, Công ty TNHH Long Dũng để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải có tính axit phát sinh từ 1 dây chuyền mạ niken tại tầng 1;
- Nguồn số 02 : Khí thải có tính axit phát sinh từ 1 dây chuyền mạ kẽm tại tầng 1;
- Nguồn số 03: Khí thải có tính axit phát sinh từ 2 dây chuyền rửa tại tầng 1 ;
- Nguồn số 04: Khí thải có tính axit phát sinh từ 1 dây chuyền mạ thụ động tại tầng 1;
- Nguồn số 05: Khí thải có tính axit phát sinh từ 1 dây chuyền mạ anode hóa tại tầng 2;
- Nguồn số 06: Khí thải có tính axit phát sinh từ 1 dây chuyền điện di (ED) tại tầng 2;
- Nguồn số 07 : Khí thải phát sinh từ 1 dây chuyền rửa tại tầng 3;
- Nguồn số 08: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 1 dây chuyền mạ niken tại tầng 1;
- Nguồn số 09: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 1 dây chuyền mạ kẽm tại tầng 1;
- Nguồn số 10: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 2 dây chuyền rửa tại tầng 1;
- Nguồn số 11: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 1 dây chuyền mạ thụ động tại tầng 1 ;
- Nguồn số 12: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 1 dây chuyền mạ anode hóa tại tầng 2 ;
- Nguồn số 13: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 1 dây chuyền điện di (ED) tại tầng 2 ;
- Nguồn số 14: Khí thải có tính kiềm phát sinh từ 2 lò sấy của dây chuyền điện di (ED) tại tầng 2 ;
- Nguồn số 15 : Bụi, khí thải phát sinh từ dây chuyền phun sơn tĩnh điện tại tầng 2 ;
- Nguồn số 16 : Khí thải phát sinh từ quá trình gia công CNC tại tầng 1;

- Nguồn số 17 : Khí thải phát sinh từ quá trình định hình miếng dán tản nhiệt tại tầng 1;
- Nguồn số 18 : Khí thải phát sinh từ dây chuyền phun sơn tự động số 01 (4 buồng phun sơn tự động) tại tầng 3 ;
- Nguồn số 19 : Khí thải phát sinh từ dây chuyền phun sơn tự động số 02 (2 buồng phun sơn tự động) tại tầng 3 ;
- Nguồn số 20 : Khí thải phát sinh từ dây chuyền phun sơn tự động số 03 (2 buồng phun sơn tự động bàn xoay) tại tầng 3 ;
- Nguồn số 21 : Khí thải phát sinh từ 3 dây chuyền sấy của 3 dây chuyền phun sơn tự động tại tầng 3 ;
- Nguồn số 22 : Khí thải phát sinh từ phòng mài tại tầng 3 ;
- Nguồn số 23 : Khí thải phát sinh từ phòng in lụa tại tầng 3 ;
- Nguồn số 24 : Khí thải phát sinh từ phòng laser tại tầng 3 ;
- Nguồn số 25 : Khí thải phát sinh từ phòng pha sơn tại tầng 3 ;
- Nguồn số 26 : Bụi, khí thải phát sinh từ 02 buồng thổi bụi của dây chuyền phun sơn đường ray tại tầng 3 ;
- Nguồn số 27 : Khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 01 của dây chuyền phun sơn đường ray tại tầng 3 ;
- Nguồn số 28 : Khí thải phát sinh từ buồng phun sơn số 02 của dây chuyền phun sơn đường ray tại tầng 3 ;
- Nguồn số 29 : Khí thải phát sinh từ dây chuyền sấy của dây chuyền phun sơn đường ray tại tầng 3 ;

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01 (xử lý khí thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 07). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368069,0815; Y= 394013,3844.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02 (xử lý khí thải từ các nguồn số: 08, 09, 10, 11, 12, 13 và 14). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368051,0895; Y= 394055,1836
- Dòng khí thải 03: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 03 (xử lý khí thải từ các nguồn số: 15, 16 và 17). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368053,9221; Y= 393989,0685.
- Dòng khí thải 04: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 04 (xử lý khí thải từ nguồn số 18). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368060,8771; Y= 394041,2220.
- Dòng khí thải 05: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 05 (xử lý khí thải từ nguồn số 19). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368055,3817;

Y= 394038,8781.

- Dòng khí thải 06: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 06 (xử lý khí thải từ nguồn số 20). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368050,2760; Y= 394038,3312.

- Dòng khí thải 07: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 07 (xử lý khí thải từ các nguồn số: 21, 22, 23 và 24). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368050,8718; Y= 394050,5574.

- Dòng khí thải 08: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 08 (xử lý khí thải từ nguồn số 26). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368051,1512; Y= 394014,0892.

- Dòng khí thải 09: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 09 (xử lý khí thải từ các nguồn số 25 và 27). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368048,4048; Y= 394014,2089.

- Dòng khí thải 10: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 10 (xử lý khí thải từ nguồn số 28). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368053,8626; Y= 394002,7886.

- Dòng khí thải 11: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 11 (xử lý khí thải từ nguồn số 29). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2368047,9659; Y= 394003,0333.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°00', múi chiều 3°)

- Vị trí xả khí nằm trong khuôn viên của dự án thuộc lô CN-1.2, Cụm công nghiệp Thanh Vân, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 280.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 38.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 50.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 35.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 35.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 08: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 09: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 10: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 11: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí tương ứng, xả liên tục trong quá trình hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

* Dòng khí thải số 01:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤ 20	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Flo (F) và hợp chất F (tính theo Florua)	mg/Nm ³	≤ 3		
3	HCl	mg/Nm ³	≤ 15		

* Dòng khí thải số 02:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/Nm ³	≤ 20	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng

* Dòng khí thải số 03:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5		
3	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
4	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
5	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu	mg/Nm ³	≤ 80		

từ: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)				
---	--	--	--	--

* Dòng khí thải số 04 đến số 11:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5		
3	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
4	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 07 được thu gom bằng các chụp hút về đường ống nhánh, thu về đường ống chính dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 01 có công suất 16.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ các nguồn số: 08, 09, 10, 11, 12, 13 và 14 được thu gom bằng các chụp hút về đường ống nhánh, thu về đường ống chính dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 02 có công suất 38.000 m³/giờ để xử lý

- Khí thải từ các nguồn số: 15, 16 và 17 được thu gom bằng các ống hút về đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 03 có công suất 15.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số 18 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua hệ thống đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 04 có công suất 50.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số 19 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua hệ thống đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 05 có công suất 35.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số 20 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua hệ thống đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 06 có công suất 35.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ các nguồn số: 21, 22, 23 và 24 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua hệ thống đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 07 có công suất 15.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số 26 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom sau đó được dẫn qua đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 08 có công suất 10.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số 25 và 27 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 09 có công suất 24.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 10 có công suất 24.000 m³/giờ để xử lý.

- Khí thải từ nguồn số 29 được thu gom cục bộ thông qua thiết bị thu gom đặt trực tiếp tại nguồn sau đó được dẫn qua đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý khí thải số 11 có công suất 18.000 m³/giờ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 16.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 38.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂SO₄

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị thu gom → Tháp cyclone ướt → Lọc thô → Than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, than hoạt tính.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải từ số 04 đến số 07 và từ số 09 đến số 11:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị thu gom → Tháp cyclone ướt → Lọc thô → Than hoạt tính → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý khí thải số 04: 50.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải số 05: 35.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải số 06: 35.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải số 07: 15.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải số

09: 24.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải số 10: 24.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải số 11: 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, than hoạt tính

1.2.5. Hệ thống xử lý khí thải số 08:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị thu gom → Tháp cyclone ướt → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Quan trắc, giám sát chất lượng khí thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo tần suất để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục hệ thống xử lý khí thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình thiết kế.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Lập quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ dự án dừng ngay hoạt động phát thải liên quan đến hệ thống xử lý khí thải gây ô nhiễm môi trường để triển khai các biện pháp khắc phục; triển khai các biện pháp phù hợp để khử các chất ô nhiễm trong môi trường. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản,...hoặc không thể tự khắc phục sự cố và cần sự hỗ trợ của cơ quan chức năng.

- Tổ chức khắc phục sự cố và đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường sau khi khắc phục.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 9/2026 đến tháng 3/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 11 hệ thống xử lý khí thải, cụ thể:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01;

- Hệ thống xử lý khí thải số 02;

- Hệ thống xử lý khí thải số 03;

- Hệ thống xử lý khí thải số 04;
- Hệ thống xử lý khí thải số 05;
- Hệ thống xử lý khí thải số 06;
- Hệ thống xử lý khí thải số 07;
- Hệ thống xử lý khí thải số 08;
- Hệ thống xử lý khí thải số 09;
- Hệ thống xử lý khí thải số 10;
- Hệ thống xử lý khí thải số 11.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 11 vị trí

- Vị trí số 1: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01.
- Vị trí số 2: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02.
- Vị trí số 3: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 03.
- Vị trí số 4: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 04.
- Vị trí số 5: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 05.
- Vị trí số 6: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 06.
- Vị trí số 7: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 07.
- Vị trí số 8: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 08.
- Vị trí số 9: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 09.
- Vị trí số 10: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 10.
- Vị trí số 11: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 11.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chủ dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày / 7 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

19 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực gia công CNC;
- Nguồn số 02: Từ khu vực dập;
- Nguồn số 03: Từ khu vực xưởng sản xuất đinh vít;
- Nguồn số 04: Từ khu vực mài;
- Nguồn số 05: Từ khu vực laser;
- Nguồn số 06: Từ khu vực thổi bụi;
- Nguồn số 07: Từ khu vực sơn, sấy sơn;
- Nguồn số 08: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 01;
- Nguồn số 09: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 02;
- Nguồn số 10: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 03;
- Nguồn số 11: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 04;
- Nguồn số 12: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 05;
- Nguồn số 13: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 06;
- Nguồn số 14: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 07;
- Nguồn số 15: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 08;
- Nguồn số 16: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 09;
- Nguồn số 17: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 10;
- Nguồn số 18: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 11;
- Nguồn số 19: Từ máy phát điện.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*):

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ban ngày (06:00 ~ trước 18:00)	Tối (18:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*khu vực D - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*):

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lựa chọn các loại máy móc, thiết bị hiện đại có tiếng ồn thấp.
- Lắp đặt các thiết bị chống ồn ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Ngăn cách nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực nhà xưởng và khu vực văn phòng được bố trí riêng biệt.
- Bộ phận bảo dưỡng lập kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.
- Chủ dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như nút bịt tai, miếng che tai... cho người lao động trực tiếp phải chịu tiếng ồn.
- Bố trí hợp lý thời gian làm việc ở các phân xưởng có phát sinh tiếng ồn lớn. Hạn chế người lao động tiếp xúc với tiếng ồn trong thời gian dài.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:
 - + Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn cao.

- + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.
- + Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.
- + Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lựa chọn các loại máy móc, thiết bị hiện đại có độ rung thấp.
- Lắp đặt các thiết bị chống rung ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Bộ phận bảo dưỡng lập kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy nhằm hạn chế độ rung phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.
- Bố trí hợp lý thời gian làm việc ở các phân xưởng có phát sinh độ rung lớn. Hạn chế người lao động tiếp xúc với độ rung trong thời gian dài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày / 7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Dự kiến tổng số lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 13.452 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Dự kiến tổng số lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 34.150 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Dự kiến tổng số lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 100 kg/ngày tương đương 31.200kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Dự kiến tổng số lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh khoảng 443.600 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 15,5m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 16m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 01 kho

- Diện tích kho chứa: 11m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày / 7 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Công ty TNHH Công nghệ Yonglian Việt Nam có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường này.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố chất thải trong quá trình hoạt động của dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại dự án để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của CCN Thanh Vân và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Thanh Vân, không xả thải trực tiếp ra môi trường, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát việc thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.